

BIỂU 01. TỔNG HỢP GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN**Công trình: Đồ BTXM đường trục xã Bản Thượng, xã Liên Hội, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn***(Kèm theo Quyết định số 1943 /BC-TCKH, ngày 28/6/2024 của Chủ tịch UBND huyện Văn Quan)**Đơn vị tính : đồng*

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế
I	Chi phí xây dựng	Gxd	(1+2)	1.939.280.556	155.142.444	2.094.423.000
1	Hạng mục 01: Quyết toán khối lượng nghiệm thu theo Hợp đồng số 02/2022/HĐ-XD ngày 22/02/2022		Có bảng tính (VAT 8%)	1.908.902.778	152.712.222	2.061.615.000
2	Hạng mục 02: Quyết toán khối lượng nghiệm thu theo Phụ lục hợp đồng số 02-2/2022/PLHĐ-HĐXD ngày 24/8/2022		Có bảng tính (VAT 8%)	30.377.778	2.430.222	32.808.000
II	Chi phí quản lý dự án	Gqlda	Giá trị đề nghị QT	71.890.000		71.890.000
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv	(1+2+3)	161.394.091	10.204.909	171.599.000
1	Chi phí tư vấn khảo sát, lập BC KTKT		BB nghiệm thu, QT A-B ngày 28/9/2021	95.380.909	9.538.091	104.919.000
2	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu		BB nghiệm thu, QT A-B ngày 22/02/2022	6.668.182	666.818	7.335.000
3	Chi phí giám sát thi công xây dựng		Tự thực hiện = Giá trị QT A-B đề nghị/1,1 (trước VAT)	59.345.000		59.345.000
IV	Chi phí khác	Gk	(1+2+3+4)	23.139.000	0	23.139.000
1	Chi phí thẩm định báo cáo KTKT, phí thẩm định		Theo giá trị đề nghị QT	4.523.000		4.523.000
2	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu		Theo giá trị đề nghị QT	2.000.000		2.000.000
3	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan Nhà nước		Theo giá trị đề nghị QT	4.100.000		4.100.000
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (NĐ99/2021/NĐ-CP)		G _{QT} * hệ số NĐ 99 (0,57%)	12.516.000		12.516.000
	TỔNG CỘNG		Gxd+Gqlda+Gtv+Gk	2.195.703.646	165.347.354	2.361.051.000
<i>(Hai tỷ ba trăm sáu mươi một triệu không trăm năm mươi một nghìn đồng)./.</i>						

BIỂU 02. TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN**Công trình: Đổ BTXM đường trục xã Bản Thượng, xã Liên Hội, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn***(Kèm theo Quyết định số 1943 /BC-TCKH, ngày 28/6/2024 của Chủ tịch UBND huyện Văn Quan)*

Đơn vị: đồng

STT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Giá trị quyết toán	Vốn đã giải ngân	Công nợ đến ngày khóa sổ lập		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4	8
	Tổng số		2.361.051.000	2.230.000.000	131.051.000	0	
I	Chi phí xây dựng		2.094.423.000	2.070.696.000	23.727.000	0	
1	Công ty TNHH MTV Trường Phát Văn Quan	Chi phí xây dựng	2.094.423.000	2.070.696.000	23.727.000	0	
II	Chi phí QLDA		71.890.000	0	71.890.000	0	
1	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quản lý dự án	71.890.000		71.890.000		
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		171.599.000	155.255.000	16.344.000	0	
1	Công ty TNHH MTV Danh Gia Vũ	Chi phí tư vấn Khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	104.919.000	100.000.000	4.919.000		
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Thành Nam	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	7.335.000		7.335.000		
3	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Tư vấn giám sát thi công	59.345.000	55.255.000	4.090.000		
IV	Chi phí khác		23.139.000	4.049.000	19.090.000	0	
1	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện		8.623.000	4.049.000	4.574.000	0	
<i>a</i>		<i>Chi phí thẩm định báo cáo KTKT, phí thẩm định</i>	<i>4.523.000</i>	<i>4.049.000</i>	<i>474.000</i>		
<i>b</i>		<i>Kiểm tra điều kiện nghiệm thu</i>	<i>4.100.000</i>		<i>4.100.000</i>		
2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	2.000.000		2.000.000		
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (NĐ99/2021/NĐ-CP)	12.516.000		12.516.000		

Nội dung	Đơn vị	toán	A-B đ
- Chi phí xây dựng	đồng		2.095.062.000
- Chi phí quản lý dự án	đồng		71.890.000
- Chi phí tư vấn DT XD	đồng		177.534.000
- Chi phí khác	đồng		24.124.000
Tổng cộng	đồng		2.368.610.000
			2.368.610.000

Giá trị thẩm tra QT	Chênh lệch
2.094.423.000	-639.000
71.890.000	0
171.599.000	-5.935.000
23.139.000	-985.000
2.361.051.000	-7.559.000
2.361.051.000	-7.559.000